

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
- Giấy chứng nhận kinh doanh số: 38GP/KDBH ngày 18/10/2006 do Bộ tài chính cấp.
- Vốn điều lệ: 380.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 368.418.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 6 nhà 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy - Cầu Giấy- Hà Nội
- Số điện thoại: 0462.990.055
- Số FAX: 0462.580.055
- Website: Abic.com.vn
- Mã cổ phiếu: ABI

2. Quá trình phát triển

Công ty chính thức khai trương hoạt động ngày 08/08/2007, năm 2008 Công ty đạt doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 132 tỷ đồng, năm 2009 đạt 296 tỷ đồng, năm 2010 Công ty đạt 382 tỷ đồng, năm 2011 đạt doanh thu phí Bảo hiểm 426 tỷ đồng, năm 2012 đạt doanh thu phí bảo hiểm 455 tỷ đồng. Công ty đã xây dựng hệ thống mạng lưới gồm 9 chi nhánh và 29 phòng kinh doanh khu vực trên toàn quốc với hơn 400 cán bộ nhân viên.

Kết quả kinh doanh ABIC luôn có mức tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, hệ thống cơ chế quản trị kinh doanh ngày càng hoàn thiện.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, đầu tư tài chính và kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.
- Địa bàn kinh doanh: Trong lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Cơ cấu tổ chức của Công ty

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển, bổ nhiệm miễn nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Ban Tổng giám đốc:

Ban Tổng giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Các phòng Công ty:

- Phòng Tài sản kỹ thuật
- Phòng Hàng hải
- Phòng Phi Hàng hải
- Phòng Tái bảo hiểm
- Phòng Quản lý đại lý và PTHH
- Phòng Giám định bồi thường
- Phòng Kế toán - Tài chính
- Phòng Đầu tư vốn
- Phòng Tổ chức hành chính
- Phòng Thư ký pháp chế
- Phòng Công nghệ thông tin

4.2 Mạng lưới hoạt động của Công ty

1. Trụ sở chính – ABIC
 - Địa chỉ: Tầng 6 nhà 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy - Trung Hòa - Cầu Giấy Hà Nội
 - Điện thoại: 04.37622555 Fax: 04.37622055
2. Chi nhánh ABIC – Hà Nội
 - Địa chỉ: 343 Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội
 - Điện thoại: 04.62754455 Fax: 04.62754466
3. Chi nhánh ABIC – TP Hồ Chí Minh
 - Địa chỉ: 17 Tú xương – Phường 7 – Quận 3- TP HCM
 - Điện thoại: 08.38249797 Fax: 08.38249855
4. Chi nhánh ABIC – Đà Nẵng
 - Địa chỉ: Số 1 Tổng phước Phổ - Quận hải Châu – TP Đà Nẵng
 - Điện thoại: 05.113699222 Fax: 05.112699224
5. Chi nhánh ABIC – Nghệ An
 - Địa chỉ: Số 371 Nguyễn Văn Cừ - TP Vinh – Nghệ An
 - Điện thoại: 0383.837177 Fax: 0383.837766
6. Chi nhánh ABIC – Đắk Lắk
 - Địa chỉ: Số 06 Trần Hữu Dực – Phường Tân lợi – TP Buôn Ma Thuột – Đắk Lắk
 - Điện thoại: 05.003.957.697 Fax: 05.003.957.695
7. Chi nhánh ABIC – Hải Phòng
 - Địa chỉ: T6 số 62-64 Tôn Đức Thắng – Lê Chân – Hải Phòng
 - Điện thoại: 0313.637.555 Fax: 0313.719.555
8. Chi nhánh ABIC – Khánh Hòa
 - Địa chỉ: Số 66 Nguyễn Thị Minh Khai – TP Nha Trang – Khánh Hòa

- Điện thoại: 058.3510.066 Fax: 058.3510.077
- 9. Chi nhánh ABIC – Cần Thơ
 - Địa chỉ: Số 178 Đường 3/2 Phường Hưng Lợi-Q. Ninh Kiều-TP Cần Thơ
 - Điện thoại: 0710.3782.266 Fax: 0710.3782.288
- 10. Chi nhánh ABIC – Thanh Hóa
 - Địa chỉ: T2 Khu nhà 11-Phan Chu Chinh- Phường Điện Biên-TP Thanh Hóa
 - Điện thoại: 0373.718.456 Fax: 0373.717.718

5. Định hướng phát triển

Mục tiêu chiến lược là đưa ABIC trở thành một doanh nghiệp bảo hiểm có uy tín về chất lượng và phong cách phục vụ khách hàng chuyên nghiệp, nhất là đạt uy tín hàng đầu trong công tác giám định tổn thất, giải quyết khiếu nại, chi trả tiền bồi thường thuận lợi, minh bạch, nhanh chóng và chính xác cho khách hàng.

Ngoài việc tham gia cung cấp các sản phẩm bảo hiểm như các doanh nghiệp bảo hiểm khác trên thị trường, ABIC sẽ tập trung vào những sản phẩm bảo hiểm mới hướng về khu vực nông nghiệp nông thôn, một thị trường Bảo hiểm mà ABIC có lợi thế để phát triển.

6. Các rủi ro

Kinh doanh bảo hiểm là thực hiện kinh doanh rủi ro, nhận các rủi ro tham họa từ người mua bảo hiểm và phân tán rủi ro, chuyển giao rủi ro cho thị trường bảo hiểm trong nước và quốc tế. Mục tiêu của Công ty là tìm kiếm lợi nhuận thông qua việc kinh doanh rủi ro, nếu thiên tai xảy ra với tần suất lớn hơn trung bình sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động năm 2012

- Doanh thu bảo hiểm gốc: 455 tỷ đồng đạt 111,79% so với năm trước.
- Doanh thu nhận tái bảo hiểm: 25 tỷ đồng đạt 132,28% so với năm trước.
- Lợi nhuận thuần KDBH: 18 tỷ đồng, tăng 15,7 tỷ đồng so với năm trước.
- Doanh thu đầu tư tài chính: 73 tỷ đồng đạt 104,28% so với năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế: 92 tỷ đồng, tăng 19,9 tỷ đồng và bằng 127,6% so với năm trước.
- Lợi nhuận sau thuế: 69,1 tỷ đồng, tăng 14,8 tỷ đồng và bằng 127,26% so với năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Nguyễn Văn Minh	Chủ tịch HĐQT-TGD		0.26
2	Đỗ Minh Hoàng	Phó Tổng giám đốc		0.18
3	Hoàng Thị Tính	Phó Tổng giám đốc		0.11
4	Mai Sinh	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ t9/2012	0.11
5	Quách Tá Khang	Phó Tổng giám đốc		0.08

Tóm tắt lý lịch ban điều hành:

a) Ông Nguyễn Văn Minh – Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 25/08/1962
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, cử nhân Luật, cử nhân cao cấp chính trị, trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ C
- Chức vụ hiện nay: Tổng giám đốc – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
- Kinh nghiệm công tác:
 - + Từ 1988 đến 1991: Cán bộ NHNo Thanh Hòa – Phú Thọ;
 - + Từ 1991 đến 1993: Cán bộ NHNo tỉnh Vĩnh Phú;
 - + Từ 1993 đến 1995: Phó giám đốc NHNo Thanh Hòa – Vĩnh Phú;
 - + từ 1995 đến 1999: Giám đốc NHNo Hạ Hòa – Phú Thọ;
 - + Từ 1999 đến 2001: Trưởng phòng Kinh doanh Sở giao dịch NHNo&PTNT VN;
 - + Từ 2001 đến 2006: Phó Giám đốc Sở giao dịch NHNo&PTNT VN;
 - + Từ 12/2006 đến 4/2007: Trưởng ban trụ bị Trung tâm quản lý, kinh doanh kiều hối NHNo&PTNT Việt Nam.
 - + Từ 4/2007 đến 5/2007: Phó Ban trụ bị thành lập C.ty CP Bảo hiểm NHNo;
 - + Từ 14/05/2007 đến 17/05/2010: Ủy Viên thường trực HĐQT/ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
 - + Từ 18/05/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

b) Ông Đỗ Minh Hoàng- Phó Tổng giám đốc.

- Ngày tháng năm sinh: 01/08/1966
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng Bảo hiểm; Cử nhân Luật; Kiểm toán viên nhà nước, chứng chỉ đào tạo các nhà lãnh đạo DNBH, trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh B.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
- Kinh nghiệm công tác:
 - + Từ 1990 đến 1994: TP Bảo hiểm Sóc Sơn – Bảo hiểm HN;
 - + Từ 1994 đến 1996: TP Bảo hiểm HBT- Bảo Việt Hà Nội;
 - + Từ 1996 đến 1997: Phó phòng Bảo hiểm Phi Hàng Hải – Bảo Minh Hà Nội;
 - + Từ 1997 đến 1998: Trưởng đại diện Chi nhánh Bảo Minh Hải Dương;
 - + Từ 1998 đến 2000: Phó phòng Phi Hàng Hải – Bảo Minh Hà Nội;
 - + Từ 2000 đến 2004: Trưởng phòng khu vực 8- Bảo Minh Hà Nội;
 - + Từ 2004 đến 2006: Kiểm toán viên Nhà nước – CQ kiểm toán Nhà nước;
 - + Từ 5/2006 đến 5/2007: Chuyên viên Ban trụ bị thành lập ABIC;
 - + từ 5/2007 đến 18/05/2010: Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.
 - + Từ 18/05/2010 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

c) Bà Hoàng Thị Tính – Phó Tổng giám đốc.

Ngày tháng năm sinh: 03/05/1964.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng, Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B.
- Kinh nghiệm Công tác:
 - + Từ 1985 đến 1991: Nhân viên kế toán NHNo huyện Giao Thủy – Nam Định;
 - + Từ 1991 đến 1992: Giám định viên NHNo huyện Giao Thủy – Nam Định;
 - + Từ 1992 đến 1997: Phó trưởng phòng Kế toán NHNo huyện Giao thủy – Nam Định;
 - + Từ 4/1997 đến 7/1998: Trưởng phòng Kế toán NHNo Giao Thủy – Nam Định;
 - + Từ 8/1998 đến 11/1999: Cán bộ kế toán Sở kinh doanh Hối đoái NHNo&PTNT VN;
 - + Từ 12/1999 đến 7/2004: Phó Trưởng phòng Kế toán Ngân quỹ-Sở giao dịch NHNo&PTNT VN;
 - + Từ 8/2004 đến 9/2006: Kiểm tra trưởng Sở giao dịch NHNo&PTNT VN;
 - + từ 10/2006 đến 5/2007: Thành viên ban trù bị thành lập ABIC;
 - + Từ 5/2007 đến 11/2007: Trưởng phòng kế toán tài chính Công ty CP Bảo hiểm NHNo;
 - + Từ 11/2007 đến 12/09/2010: Kế toán trưởng – Trưởng phòng kế toán tài chính Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
 - + Từ 13/09/2010 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

d) Ông Quách Tá Khang- Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 06/06/1964.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải sông, cao cấp lý luận chính trị,
- trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B.
- Kinh nghiệm công tác:
 - + Từ 1998 đến 12/1994: Cán bộ Phòng lao động tiền lương & Phòng kế toán tài vụ - C.ty xây dựng công trình đường thủy 2;
 - + Từ 01/1995 đến 12/1995: Cán bộ Phòng tài chính kế toán - Công ty vận tải xăng dầu đường thủy 1;
 - + Từ 12/1995 đến 3/2000: Trưởng phòng kế toán tổng hợp - Chi nhánh C.ty CP Bảo hiểm Petrolimex Hải Phòng;
 - + Từ 4/2000 đến 3/2004: Trưởng phòng tài chính kế toán - Chi nhánh C.ty CP Bảo hiểm Petrolimex TP.HCM;
 - + Từ 4/2004 đến 9/2005: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex Bình Dương;
 - + Từ 10/2005 đến 7/2008: Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex Bình Dương;
 - + Từ tháng 7/2008 đến 7/2011: Giám đốc Chi nhánh ABIC TP. HCM.
 - + Từ tháng 7/2011 đến nay giữ chức Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh ABIC TP. HCM.

e) Ông Mai Sinh – Phó Tổng giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 20/11/1961
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ:
- Quá trình công tác:

- + Từ 9/1986 đến 11/1989: Cán bộ Công ty Bảo hiểm Hà Nội;
- + Từ 12/1989 đến 7/1990: Phó phòng Bảo hiểm phương tiện - Bảo Việt Hà Nội;
- + Từ 8/1990 đến 11/1994: Phó phòng phụ trách phòng Bảo hiểm phi hàng hải - Bảo Việt Hà Nội;
- + Từ 12/1994 đến 7/1995: Cán bộ Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương;
- + Từ 8/1995 đến 2/1996: Phó Giám đốc phụ trách phòng Thông tin - Pháp lý và Quan hệ quốc tế - Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương;
- + Từ 3/1996 đến 7/1996: Cán bộ Công ty BH TP. Hồ Chí Minh - Bảo Minh Chi nhánh Hà Nội;
- + Từ 8/1996 đến 12/1997: Phó phòng PHH phụ trách bộ phận đại lý - Cộng tác viên - Bảo Minh Hà Nội;
- + Từ 01/1997 đến 8/1998: Trưởng phòng ĐDBH Bảo Minh Nghệ An;
- + Từ 9/1998 đến 02/1999: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Bảo Minh Nghệ An;
- + Từ 03/1999 đến 4/2000: Trưởng phòng nghiệp vụ Bảo Minh Hà Nội;
- + Từ 7/2001 đến 12/2004: Trưởng phòng Công nghệ và dịch vụ thông tin - Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- + Từ 1/2005 đến 4/2005: Trưởng phòng Thông tin tuyên truyền - Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- + Từ 4/2005 đến 7/2006: Trưởng văn phòng đại diện Bảo Minh tại Hà Nội;
- + Từ 8/2006 đến 6/2007: Chuyên viên Ban trù bị thành lập Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
- + Từ 6/2007 đến 30/8/2012: Trưởng Phòng Quản lý Đại lý & PTHT Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.
- + Từ 1/9/2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2012

Quyết định bổ nhiệm ông Mai Sinh giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/09/2012.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động

Tổng số CBNV tính đến 31/12/2012:

Nhân sự toàn Công ty tính đến 31/12/2012 là: 425 cán bộ- nhân viên, trong đó: lao động dài hạn 333, lao động ngắn hạn 92 cán bộ.

Chính sách đối với người lao động:

Công ty đã ban hành quyết định số: 1739/2010/QĐ-ABIC-KTTC quy định về quyết toán Quỹ thu nhập trong toàn Công ty. Đây là văn bản nền tảng điều chỉnh về cơ chế phân phối tiền lương cho người lao động, gắn việc phân phối tiền lương với kết quả kinh doanh cuối cùng. Thu nhập bình quân đầu người toàn Công ty năm 2012 là 13,3 triệu đồng/người/ tháng tăng 11,8% so với năm 2011, như vậy đã thực hiện đúng Nghị quyết của Hội đồng quản trị giao. Ngoài ra các chế độ BHXH, BHYT, luôn được đảm bảo đầy đủ đối với người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Đầu tư trái phiếu Vincom 50.000.000.000 đồng: Đây là khoản đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp của Vincom với thời hạn 5 năm lãi suất 17,9%, Trái phiếu không có đảm bảo, ngày phát hành 6/5/2008 ngày đáo hạn 6/5/2013.

- Đầu tư cổ phiếu 15.136.880.000 đồng: Đây là khoản ABIC mua cổ phiếu của Công ty CP chứng khoán NHNo&PTNT Việt Nam: 1.469.600 đơn giá bình quân 10.300 đồng, Công ty đã thực hiện trích dự phòng giảm giá chứng khoán 8.670.640.000 đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Không có)

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: Tỷ VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	+/-
1	Doanh thu phí BH gốc	407	455	48
2	Doanh thu phí nhận tái BH	18.9	25	6.1
3	Chi nhượng tái BH	99	74	(25)
4	Doanh thu thuần KDBH	334.8	378	43.2
5	Chi trực tiếp KDBH	201.4	198	(3.4)
6	Chi phí quản lý DN	131	162	31
7	Lợi nhuận thuần KDBH	2.3	18	15.7
8	Doanh thu đầu tư tài chính	71	73	2
9	Thuế và các khoản phải nộp	17.7	23.1	5.4
10	Lợi nhuận trước thuế	72.1	92	19.9
11	Lợi nhuận sau thuế	54.3	69.1	14.8
12	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	67,8%	53,2%	(14.6)%

(Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2012)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	9.22	6.04	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	9.21	6.03	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.72	0.48	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2.58	0.92	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
+ Doanh thu thuần /Tổng tài sản	0.21	0.43	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

+ Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	0.16	0.18	
+ Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	0.12	0.15	
+ Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	0.03	0.08	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/DTT	0.22	0.24	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, cổ phần:

Tổng số cổ phần của Công ty: 38.000.000 CP mệnh giá 10.000 đồng, trong đó: Cổ phần phổ thông: 38.000.000 CP, cổ phần ưu đãi: *(Không có)*, cổ phần hạn chế chuyên nhượng: *(Không có)*.

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 36.841.800 CP, tổng số cổ phần chưa lưu hành (Cổ phiếu quỹ): 1.158.200 CP.

b, Cơ cấu cổ đông:

*** Cổ đông lớn:**

Các cổ đông lớn sở hữu: 22.700.000 CP chiếm: 59,74% cổ phần của Công ty
Danh sách các cổ đông lớn của Công ty:

- Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam, địa chỉ số 2 Láng Hạ, Ba Đình-Hà Nội, sở hữu 15.300.000 CP chiếm 40,26% Vốn điều lệ.
- Tổng công ty Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam, địa chỉ 141 Lê Duẩn – Hoàn Kiếm – Hà Nội, sở hữu 3.200.000 CP, chiếm 8,42% Vốn điều lệ.
- Công ty cho thuê tài chính I – NHNo&PTNT VN, địa chỉ số 4 Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa – Hà Nội, sở hữu: 2.100.000 CP chiếm 5,53% Vốn điều lệ.
- Công ty cho thuê tài chính II – NHNo&PTNT VN, địa chỉ 422 Trần Hưng Đạo, Quận 5 TP Hồ Chí Minh, sở hữu 2.100.000 CP chiếm 5,53% Vốn điều lệ.

*** Cổ đông nhỏ:**

Tổng sở hữu của các cổ đông nhỏ là: 14.141.800 CP, chiếm: 37,22% cổ phần của Công ty.

*** Cổ đông sở hữu nhà nước:**

Tổng sở hữu của cổ đông nhà nước là: 19.500.000 CP, chiếm: 51,32% cổ phần của Công ty.

Danh sách các cổ đông nhà nước:

- Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam, sở hữu 15.300.000 CP chiếm 40,26% Vốn điều lệ.
- Công ty cho thuê tài chính I – NHNo&PTNT VN, sở hữu: 2.100.000 CP chiếm 5,53% Vốn điều lệ.
- Công ty cho thuê tài chính II – NHNo&PTNT VN, sở hữu 2.100.000 CP chiếm 5,53% Vốn điều lệ.

c, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

(Năm 2012 tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi)

d, Giao dịch cổ phiếu quỹ năm 2012:

(không có)

e, Các chứng khoán khác:

(Không có)

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm: Tính đến ngày 31/12/2012 tổng doanh thu bảo hiểm toàn Công ty đạt 480 tỷ đồng (Doanh thu BH gốc 455 tỷ đồng, doanh thu nhận tái BH 25 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước tăng 54,1 tỷ đồng, tăng trưởng đạt 12,7%, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đạt 99,17%.

Chi trả bồi thường năm 2012: Chi bồi thường bảo hiểm gốc 155,8 tỷ đồng, chi bồi thường nhận tái bảo hiểm 10,8 tỷ đồng.

Lợi nhuận thuần kinh doanh Bảo hiểm: Năm 2012 Công ty đạt lợi nhuận thuần kinh doanh hiểm 18 tỷ đồng vượt kế hoạch 13 tỷ đồng bằng 7,8 lần so với năm 2011.

2.2 Hoạt động đầu tư tài chính

- Tổng đầu tư tài chính 502 tỷ đồng
- Doanh thu đầu tư tài chính thực hiện 73 tỷ đồng đạt 115,8 % kế hoạch năm.

2.3 Kết quả kinh doanh

Lợi nhuận trước thuế năm 2012 công ty đạt 92 tỷ đồng tăng hơn năm trước 19,9 tỷ đồng so với kế hoạch vượt 37,3%.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Công ty đã dần hoàn thiện xây dựng mô hình kênh phân phối sản phẩm qua hệ thống Đại lý Ngân hàng Nông nghiệp bước đầu phát triển thành công sản phẩm Bảo An Tín dụng, mở ra hướng phát triển các sản phẩm phục vụ khu vực Nông nghiệp Nông thôn.

Cơ chế quản lý thông qua công tác khoán kinh doanh đã được Công ty từng bước hoàn thiện và đã phát huy được hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

***Mục tiêu định hướng kinh doanh năm 2013:**

- Doanh thu phí bảo hiểm tăng trưởng 10% so với năm 2012
- Lợi nhuận thuần KDBH phần đầu đạt tăng trưởng từ 15 đến 20% so với năm 2012.
- Doanh thu đầu tư tài chính phần đầu đạt 45 tỷ đồng.
- Cổ tức chi trả phần đầu đạt từ 8 đến 10%.
- Thu nhập của người lao động không thấp hơn năm 2012.

***Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Tiếp tục khai thác thị trường truyền thống, tập trung nguồn lực phát triển mô hình kênh phân phối Bancassurance, lấy khu vực nông nghiệp nông thôn, nông dân làm thị trường chủ đạo.

Mục tiêu chiến lược là đưa ABIC trở thành một doanh nghiệp bảo hiểm có uy tín về chất lượng và phong cách phục vụ khách hàng chuyên nghiệp, nhất là đạt uy tín hàng đầu trong công tác giám định tổn thất, giải quyết khiếu nại, chi trả tiền bồi thường thuận lợi, minh bạch, nhanh chóng và chính xác cho khách hàng

IV.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2012 là năm có nhiều khó khăn tác động đến hoạt động kinh doanh của công ty, nhưng tập thể Lãnh đạo và toàn thể CBNV công ty đã nỗ lực cố gắng hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao, thể hiện trên các mặt sau:

- Tổng doanh thu bán hàng đạt 102% kế hoạch năm do HĐQT giao.
- Công tác giải quyết bồi thường đã có những cải thiện, đảm bảo được quyền lợi chính đáng của khách hàng, kiểm soát tốt tỷ lệ bồi thường ở mức thấp hơn mức kế hoạch giao.
- Trích lập bổ sung đầy đủ các quỹ dự phòng nghiệp vụ, nâng tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ lên 381 tỷ đồng.
- Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước với tổng số thuế đã nộp đạt 41 tỷ đồng.
- Thực hiện trích lập quỹ lương và phân phối tiền lương cho người lao động theo đúng quyết nghị của Hội đồng Quản trị và quy định của công ty. Tiền lương bình quân của người lao động tăng 11,8% so với 2011.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 132% kế hoạch kinh doanh năm do HĐQT giao, tăng trưởng 23% so với 2011, trong đó lợi nhuận thuần kinh doanh bảo hiểm đạt 324% kế hoạch và tăng 7 lần so với thực hiện 2011.
- Nguồn nhân sự đảm bảo giữ ổn định và từng bước nâng cao về chất lượng, tổ chức bộ máy được tinh gọn theo hướng hiệu quả.
- Xây dựng và phát triển kênh phân phối kết hợp Ngân hàng - Bảo hiểm rộng khắp, phù hợp với thị trường khách hàng mục tiêu và đạt hiệu quả cao.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

- Ban Tổng Giám đốc công ty gồm 5 thành viên (Tổng Giám đốc và 4 Phó Tổng Giám đốc – trong đó 1 Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực phía Nam) đã thực hiện tốt việc phân công công việc, phân cấp và uỷ quyền đảm bảo điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty, bao quát toàn bộ các chi nhánh theo khu vực địa lý.
- Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị công ty, thường xuyên bám sát địa bàn, nắm bắt thực tiễn hoạt động kinh doanh để có quyết định điều chỉnh phù hợp.
- Hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc đã đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ công ty và theo đúng định hướng của Hội đồng quản trị, thực hiện hoàn thành và vượt mức kế hoạch kinh doanh do Hội đồng quản trị giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục thực hiện định hướng kinh doanh theo quy định tại đề án *Chiến lược phát triển giai đoạn 2012-2017* đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2012.
- Kien toàn bộ máy tổ chức và nhân sự theo yêu cầu của thực tiễn kinh doanh, phát triển một số sản phẩm bảo hiểm phù hợp với đặc thù khách hàng của hệ thống Agribank ở địa bàn nông nghiệp nông thôn.

- Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa và ban hành mới các quy chế, quy định, quy trình ...về nghiệp vụ bảo hiểm và công tác quản trị, công tác kiểm tra giám sát, tăng cường vai trò công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị và tỷ lệ sở hữu cổ phần

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Nguyễn Văn Minh	Chủ tịch HĐQT- TGD	Điều hành	0.26
2	Đỗ Quang Vinh	Ủy viên	Không điều hành	
3	Đặng Thế Vinh	Ủy viên	Không điều hành	
3	Phạm Đức Tuấn	Ủy viên	Không điều hành	
5	Dương Văn Thành	Ủy viên	Không điều hành	
6	Bùi Minh Hường	Ủy viên	Miễn nhiệm T6/2012	
7	Hà Sỹ Vịnh	Ủy viên	Miễn nhiệm T6/2012	
8	Nguyễn Hồng Long	Ủy viên	Miễn nhiệm T6/2012	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

(Chưa có)

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2005, căn cứ theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2012, trên cơ sở yêu cầu thực tế trong hoạt động quản trị điều hành kinh doanh của công ty, trong năm 2012 Hội đồng quản trị đã tổ chức các hoạt động và đạt được kết quả sau đây:

Tổ chức các kỳ họp của HĐQT:

Hội đồng quản trị đã tổ chức được các kỳ họp chính thức và bất thường sau đây:

- Kỳ họp bất thường ngày 17/02/2012;
- Kỳ họp bất thường ngày 21/05/2012;
- Kỳ họp lần thứ 19 ngày 27/05/2012;
- Kỳ họp lần thứ 20 ngày 06/06/2012;
- Kỳ họp bất thường ngày 22/06/2012;
- Kỳ họp lần thứ 21 ngày 24/06/2012;
- Kỳ họp lần thứ 22 ngày 02/08/2012;
- Kỳ họp bất thường ngày 04/09/2012;

Thông qua các kỳ họp này, HĐQT công ty đã ban hành 08 nghị quyết về các nội dung quản trị mọi mặt hoạt động của công ty. Cụ thể về các nội dung như sau:

** Về ban hành quy chế, cơ chế quản trị kinh doanh:*

- Soạn thảo, trình ĐHĐCĐ thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty
- Hội đồng quản trị đã thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh năm 2011 để phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và đảm bảo thu nhập và đời sống của người lao động trong công ty.

- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty năm 2011, định hướng, mục tiêu và giải pháp kinh doanh năm 2012 để trình ĐHĐCĐ thông qua.
- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính và định mức chi phí kinh doanh năm 2012.
- Thông qua báo cáo tình hình thực hiện quỹ lương năm 2011 và phương án phân phối tiền lương năm 2012.
- Thông qua báo cáo công tác đầu tư tài chính năm 2011, kế hoạch đầu tư tài chính năm 2012.
- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm, giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh doanh 6 tháng cuối năm.
- Trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 các nội dung cần được thông qua và phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- * *Về tổ chức bộ máy - phát triển hệ thống:*
- Nhất trí chủ trương tái cơ cấu tổ chức bộ máy tại Trụ sở chính công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tách hoạt động quản lý và hoạt động kinh doanh trực tiếp.
- Phê duyệt đề án thành lập chi nhánh ABIC Tây Bắc đặt trụ sở chính tại TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
- * *Về công tác nhân sự:*
- Tổ chức giới thiệu và đề cử nhân sự để ĐHĐCĐ bầu vào HĐQT và BKS công ty nhiệm kỳ 2012-2017; Nghị quyết về việc bầu Chủ tịch HĐQT công ty.
- Kiện toàn nhân sự lãnh đạo công ty, chấp thuận và giao Tổng Giám đốc thực hiện công tác quy hoạch chức danh Tổng Giám đốc và chức danh Phó Tổng Giám đốc công ty, phê duyệt và bổ nhiệm một Phó Tổng Giám đốc công ty,
- Kiện toàn, bổ sung cán bộ lãnh đạo chi nhánh ABIC Hà Nội và một số đơn vị tại Trụ sở chính công ty.
- * *Về đầu tư mua sắm cơ sở vật chất:*
- Phê duyệt chủ trương đầu tư mua văn phòng làm việc cho chi nhánh ABIC TP Hồ Chí Minh và Chi nhánh ABIC Nghệ An.
- Phê duyệt kinh phí cải tạo, sửa chữa văn phòng làm việc của Trụ sở chính công ty tại địa điểm mới.
- Phê duyệt kinh phí đầu tư mua bổ sung xe ô tô cho chi nhánh ABIC Đà Nẵng và ABIC Đắk Lắk,
- * *Về một số nội dung khác:*
- Nghị quyết về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông và tạm ứng cổ tức năm 2011.
- Nghị quyết về tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 5 năm ngày thành lập công ty.
- Tại các kỳ họp chính thức và thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trong năm 2011 HĐQT đã quyết nghị về một số vấn đề khác như: Lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012; Phương án rút vốn đầu tư tại Công ty Agriserco; mua lại cổ phiếu của cổ đông ALC2 làm cổ phiếu quỹ.

*** Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT:**

Trong năm 2012 hoạt động của HĐQT công ty đã bám sát các yêu cầu và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh để kịp thời ban hành các Nghị quyết, quyết định điều chỉnh phù hợp. Trình tự, thủ tục tổ chức các kỳ họp của HĐQT đều được thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty. Các thành viên HĐQT tham gia hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao theo nhiệm vụ được phân công.

Hoạt động của HĐQT trong năm 2012 đã đạt được mục tiêu tạo nền tảng để công ty có sự tăng trưởng cao và ổn định, mở rộng hệ thống mạng lưới kinh doanh, có lãi trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho trụ sở chính và một số chi nhánh; lợi nhuận sau thuế tăng so với năm trước.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

(Chưa có)

2. Ban kiểm soát

2.1 Danh sách ban kiểm soát và tỷ lệ sở hữu cổ phần

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Mai Khánh Chung	Trưởng ban		0.13
2	Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên		0.01
3	Tô Thị Phương Loan	Thành viên		
4	Lê Quang Trung	Thành viên	Miễn nhiệm T6/2012	

2.2 Hoạt động của ban kiểm soát

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức.
- Tổ chức họp Ban kiểm soát định kỳ theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty. Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ để thông báo đến các thành viên Ban kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty
 - + Kỳ 1 Ngày 09/03/2012 họp đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết HĐQT năm 2011 và chuẩn bị cho kiểm tra giám sát Báo cáo tài chính năm 2011, lập báo cáo trình đại hội đồng cổ đông. Triển khai công tác hoạt động của Ban kiểm soát năm 2012.
 - + Kỳ 2 Ngày 28/05/2012 Ban kiểm soát họp để thông qua nội dung Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và thẩm định báo cáo tài chính 2011 và thông báo tình hình hoạt động kinh doanh 4 tháng đầu năm 2012.
 - + Kỳ 3 Ngày 24/06/2012 Ban kiểm soát họp thông báo kết quả Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012. Bầu Trưởng Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ (2012-2017). Phổ biến quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát. Phổ biến đề cương số 2269/NHNo-ĐT ngày 11/04/2012 của Tổng giám đốc Agribank về việc kiểm tra hoạt động kinh doanh của ABIC.
 - + Kỳ 4 Ngày 05/10/2012 Ban kiểm soát họp thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát đánh giá hoạt động kinh doanh năm 2011 và 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty gửi Cổ đông Agribank.
 - + Kỳ 5 Ngày 22/10/2011 Ban kiểm soát họp để thông báo tình hình hoạt động kinh

doanh 9 tháng đầu năm 2012 và triển khai nhiệm vụ kinh doanh 3 tháng cuối năm 2012 của công ty.

- Trưởng Ban kiểm soát được mời tham gia các buổi giao ban của công ty để nắm bắt tình hình triển khai công tác kinh doanh của toàn công ty.
- Ban kiểm soát đã tổ chức kiểm tra giám sát hoạt động của các chi nhánh trực thuộc như Đắk Lắk, Khánh Hòa, Hải Phòng.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Tham gia các hội nghị sơ kết, tổng kết và theo dõi các phong trào thi đua do công ty và các chi nhánh trực thuộc tổ chức phát động thi đua.
- Tham dự thông qua các biên bản kiểm tra của đoàn kiểm tra kiểm toán nội bộ.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty.
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh lên Đại hội đồng cổ đông thường niên tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Phối hợp và kết hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc, Các phòng nghiệp vụ trụ sở chính và các chi nhánh trực thuộc trong quá trình kiểm tra giám sát để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng	Tiền lương/thù lao
I	Hội đồng quản trị			
1	Đỗ Quang Vinh	Ủy viên	6	30,000,000
2	Đặng Thế Vinh	Ủy viên	12	60,000,000
3	Phạm Đức Tuấn	Ủy viên	6	30,000,000
4	Dương Văn Thành	Ủy viên	6	30,000,000
5	Bùi Minh Hường	Ủy viên	6	30,000,000
6	Hà Sỹ Vịnh	Ủy viên	6	30,000,000
7	Nguyễn Hồng Long	Ủy viên	6	30,000,000
	Cộng:			240,000,000
II	Ban kiểm soát			
1	Mai Khánh Chung	Trưởng ban	12	398,000,000
2	Lưu Thị Việt Hoa	Thành viên	12	36,000,000
3	Tô Thị Phương Loan	Thành viên	6	18,000,000
	Cộng:			452,000,000
III	Ban điều hành			
1	Nguyễn Văn Minh	Chủ tịch HĐQT-TGD	12	773,400,000
2	Đỗ Minh Hoàng	Phó Tổng giám đốc	12	570,400,000
3	Hoàng Thị Tính	Phó Tổng giám đốc	12	529,800,000
4	Mai Sinh	Phó Tổng giám đốc	4	237,600,000
5	Quách Tá Khang	Phó Tổng giám đốc	12	529,800,000
	Cộng:			2,641,000,000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

(Không có)

c) Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ

(Không có)

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

- Nhìn chung công ty ABIC thực hiện tốt và có hiệu quả các quy định của Pháp luật về quản trị công ty, đã góp phần quan trọng và có ý nghĩa quyết định đến kết quả hoạt động kinh doanh trong những năm vừa qua.

- Tuy nhiên, công ty chưa thành lập một số Tiểu ban của Hội đồng quản trị do đa số các thành viên HĐQT hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm (Hội đồng quản trị công ty có phân công công việc cho từng thành viên và có cơ chế báo cáo, giám sát hoạt động của các thành viên) và chưa bổ nhiệm chức danh Thư ký công ty (công ty đã bổ nhiệm chức danh Thư ký HĐQT ngay từ khi mới đi vào hoạt động để giúp việc cho HĐQT và BKS). Vấn đề này công ty sẽ khắc phục trong năm 2013 để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp Bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

2.1 Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: đồng Việt Nam

TT	TAI SAN	Mã số	T. M	31/12/2012	31/12/2011
A.	TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	100		775,804,340,604	1,479,220,418,030
I.	Tiền	110		40,103,087,430	46,819,510,177
	1. Tiền mặt tại quỹ	111		2,597,808,908	2,198,761,851
	2. Tiền gửi ngân hàng	112		37,505,278,522	44,620,748,326
	3. Tiền đang chuyển	113		-	-
	3. Các khoản tương đương tiền	114		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	566,154,606,366	520,868,652,778
	1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		50,000,000,000	-
	2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		516,154,606,366	520,868,652,778
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu	130	6	161,595,494,491	903,261,938,954
	1. Phải thu khách hàng	131		144,225,004,168	885,470,299,043
	2. Trả trước cho người bán	132		25,100,000	345,316,000
	3. Thuế GTGT được khấu trừ	133		-	-
	3. Các khoản phải thu khác	138		21,117,015,067	19,304,461,134
	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		3,771,624,744	1,858,137,223

IV.	Hàng tồn kho	140		1,322,146,406	982,219,526
	1. Hàng tồn kho	141		-	-
	1. Nguyên liệu, vật liệu	142		1,292,906,976	907,982,018
	2. Công cụ, dụng cụ	143		29,239,430	74,237,508
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V.	Tài sản lưu động khác	150		6,629,005,911	7,288,096,595
	1. Tạm ứng	151		2,239,755,948	2,167,491,759
	2. Chi phí trả trước	152		4,337,149,963	5,120,604,836
	3. Các khoản thế chấp, ký cược ngắn hạn	154		52,100,000	-
	3. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B.	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		109,097,334,056	85,089,466,966
I.	Tài sản cố định	210		94,301,774,695	17,679,290,329
	1. Tài sản cố định hữu hình	211	7	76,750,673,622	4,039,566,924
	- Nguyên giá	212		90,203,831,233	13,496,381,406
	- Giá trị hao mòn lũy kế	213		13,453,157,611	9,456,814,482
	2. Tài sản cố định vô hình	217	8	17,551,101,073	13,639,723,405
	- Nguyên giá	218		18,343,227,962	14,166,963,662
	- Giá trị hao mòn lũy kế	219		792,126,889	527,240,257
II.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220	9	8,331,268,000	60,935,285,276
	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221		14,719,049,811	65,136,880,000
	3. Góp vốn liên doanh	222		-	-
	2. Đầu tư dài hạn khác	228		-	4,469,045,276
	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	229		6,387,781,811	8,670,640,000
III.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		6,464,291,361	6,474,891,361
	1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6,000,000,000	6,000,000,000
	2. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		464,291,361	474,891,361
	- Ký quỹ, ký cược dài hạn			-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250		884,901,674,660	1,564,309,884,996
	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2012	31/12/2011
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		424,792,328,705	1,127,224,422,747
I.	Nợ ngắn hạn	310		128,501,992,274	160,562,802,207
	1. Phải trả người bán	313	10	82,855,121,378	131,852,430,361
	2. Người mua trả tiền trước	314		1,164,990,434	1,802,099,054
	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	11	6,324,366,898	3,572,714,942
	4. Phải trả công nhân viên	316		25,145,418,950	18,881,993,649
	5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	318	12	4,976,016,703	2,083,568,848
	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	353		8,036,077,911	2,369,995,353
II.	Dự phòng nghiệp vụ	330	13	296,260,271,918	966,013,960,751
	1. Dự phòng phí	331		198,760,812,128	158,821,887,127
	2. Dự phòng bồi thường	333		63,290,932,502	776,985,296,368
	3. Dự phòng dao động lớn	334		34,208,527,288	30,206,777,256
III.	Nợ khác	340		30,064,513	647,659,789

	1. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	343		5,000,000	5,000,000
	2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	347		25,064,513	52,843,193
	3. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	351		-	589,816,596
B.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		460,109,345,955	437,085,462,249
I.	Nguồn vốn, quỹ	410	14	460,109,345,955	437,085,462,249
	1. Nguồn vốn kinh doanh	411		380,000,000,000	380,000,000,000
	2. Thặng dư vốn cổ phần			12,000,000,000	12,000,000,000
	3. Cổ phiếu quỹ			13,898,400,000	13,898,400,000
	4. Quỹ đầu tư phát triển	414		4,575,165,052	1,859,374,902
	5. Quỹ dự phòng tài chính	415		2,715,790,150	-
	6. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		8,984,090,302	5,524,474,489
	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65,732,700,451	51,600,012,858
II.	Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		884,901,674,660	1,564,309,884,996

2.2 Báo cáo hoạt động kết quả kinh doanh

Đơn vị: đồng Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	Mã số	T M	Năm 2012	Năm 2011
1.	Thu phí bảo hiểm gốc	01		454,964,873,223	407,402,528,938
2.	Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		25,301,921,391	18,925,915,188
3.	Các khoản giảm trừ:	03		80,091,791,376	105,415,079,791
	- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		74,101,628,685	99,259,007,055
	- Hoàn phí bảo hiểm	06		5,990,162,691	6,156,072,736
4.	Tăng dự phòng phí	08		39,938,925,001	9,094,111,857
5.	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		17,698,384,621	22,751,888,004
6.	Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		116,785,405	237,232,594
	- Thu nhượng tái bảo hiểm	12		116,785,405	237,232,594
7.	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		378,051,248,263	334,808,373,076
8.	Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		155,846,533,783	150,775,138,054
9.	Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		10,879,491,377	9,004,197,002
10.	Các khoản giảm trừ	17		64,335,248,655	52,739,821,261
	- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		64,066,129,059	52,394,108,265
	- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19		22,001,850	169,336,477
	- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20		247,117,746	176,376,519
11.	Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		102,390,776,505	107,039,513,795
12.	Tăng dự phòng bồi thường	23		4,812,974,931	16,571,317,446
13.	Số trích dự phòng dao động lớn trong kỳ	24		4,001,750,032	9,627,400,930
14.	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	25		86,524,664,642	68,235,721,570
14.1	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		80,135,055,920	63,857,659,226
14.2	Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		6,389,608,722	4,378,062,344
	- Chi khác	38		6,389,608,722	4,378,062,344

15.	Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		197,730,166,110	201,473,953,741
16.	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		180,321,082,153	133,334,419,335
17.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	15	161,877,822,673	131,006,175,025
18.	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		18,443,259,480	2,328,244,310
19.	Doanh thu hoạt động tài chính	46	16	70,952,043,111	79,063,224,049
20.	Chi phí hoạt động tài chính	47	17	2,075,933,041	9,352,458,661
21.	Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		73,027,976,152	69,710,765,388
22.	Thu nhập hoạt động khác	52		810,128,532	105,570,340
23.	Chi phí hoạt động khác	53		400,070	34,912,885
24.	Lợi nhuận hoạt động khác	54		809,728,462	70,657,455
25.	Tổng lợi nhuận kế toán	55		92,280,964,094	72,109,667,153
26.	Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		92,465,706,041	71,047,851,183
27.	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	18	23,116,426,510	17,761,962,796
28.	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	61	19	27,778,680	31,901,349
29.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	62		69,192,316,264	54,315,803,008
30.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	63	20	1,878	1,474

2.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	02	470,240,691,733	423,439,679,936
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	86,215,684	1,064,346,280
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	593,933,833,099	148,146,376,136
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	108,844,312,366	142,876,787,880
5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	107,396,312,648	94,192,482,582
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	42,509,319,548	28,473,750,988
7. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	58,983,606,678	51,058,801,480
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	49,684,632,126	56,318,909,027
9. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	629,435,833,509	145,047,881,813
10. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	38,246,506,247	29,366,069,310
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29,160,217,394	25,315,719,272
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	25	80,883,714,127	13,879,295,245
2. Tiền thu từ khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	202,305,092,913	122,323,200,000
3. Tiền thu lãi đầu tư	22	72,798,974,101	73,870,948,306
3. Tiền thu do bán tài sản cố định	23	-	-
4. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	196,000,000,000	175,000,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1,779,647,113	7,314,853,061

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	34,092,748,000	29,560,530,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	34,092,748,000	29,560,530,000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6,712,177,719	3,070,042,333
Tiền đầu năm	60	46,819,510,177	43,736,951,338
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4,245,028	12,516,506
Tiền cuối năm	70	40,103,087,430	46,819,510,177

Nơi gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu: ĐTV, TCHC.

